

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VNIndex giảm điểm do diễn biến lao dốc của nhóm CP ngân hàng

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Chênh lệch ở F2003 giảm sâu

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

VNM, MWG

[Quan điểm đầu tư]

Canh chốt lời với những cổ phiếu đã tăng nóng và kê lệnh mua từng phần khi VNIndex lui về vùng hỗ trợ mạnh ở quanh 920.

21/02/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	933.09	-0.54
VN30	868.89	-0.29
HĐTL VN30	862.80	-0.99
HNXIndex	108.09	-1.35
HNX30	187.33	-1.24
UPCoM	56.30	-0.07
USD/VNĐ	VND23,246	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.87	+2
Lãi suất qua đêm (%)	2.06	+16
Dầu (WTI, \$)	53.78	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,633.58	+0.87

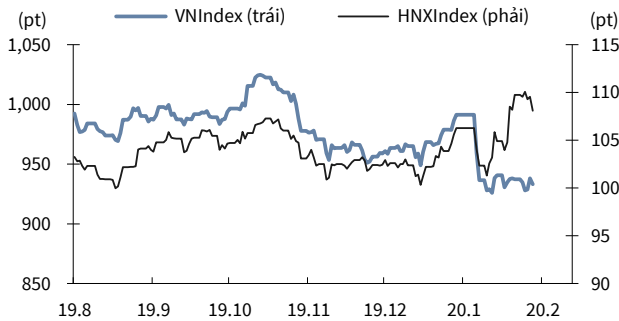


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	933.09 (-0.54%)
KLGD (triệu CP)	179.5 (-2.3%)
GTGD (triệu US\$)	172.0 (+21.3%)
HNXIndex	108.09 (-1.35%)
KLGD (triệu CP)	33.1 (-9.0%)
GTGD (triệu US\$)	16.6 (-9.0%)
UPCoM	56.30 (-0.07%)
KLGD (triệu CP)	16.6 (+53.2%)
GTGD (triệu US\$)	8.2 (+49.5%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-5.7

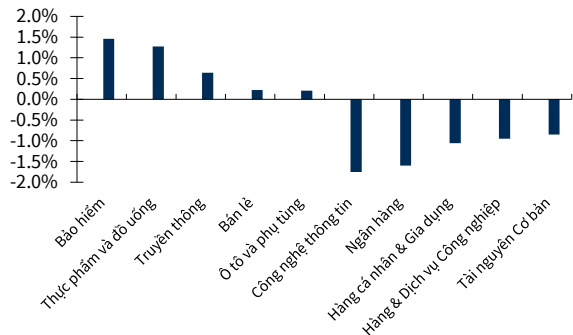
Diễn biến lao dốc ở nhóm cổ phiếu ngân hàng, phản ứng trước thông tin NHNN sẽ yêu cầu các ngân hàng thương mại miễn, giảm hoặc giãn thanh toán lãi cho các khoản vay kể từ ngày 23/1, khiến chỉ số VNIndex giảm điểm phiên hôm nay. Trong đó, nhóm cổ phiếu ngân hàng quốc doanh dẫn đầu đà giảm như CTG (-3.9%), BID (-3.5%), VCB (-0.6%). Hai ngân hàng VIB (+3.3%) và VPB (+0.9%) đi ngược xu hướng của ngành và tăng điểm nhờ thông tin hai ngân hàng này nằm trong 4 ngân hàng được IFC tài trợ vốn để hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn vì dịch cúm Corona. Nhóm cổ phiếu họ Vingroup gồm VIC (-0.1%), VHM (-0.9%), VRE (-0.6%) cũng đồng loạt điều chỉnh, tạo thêm áp lực lên thị trường chung. Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu ngành hàng tiêu dùng có phiên giao dịch tích cực với MSN (+3.7%) bất ngờ tăng giá mạnh sau thông tin doanh nghiệp này mua thành công 52% cổ phần tại NET; VNM (+2%) cũng có phiên tăng điểm trước thông tin 1 nhà máy của doanh nghiệp được cấp mã giao dịch xuất khẩu sữa sang Trung Quốc; MWG (+0%) đi ngang sau khi công bố kết quả kinh doanh tháng 1 tích cực hơn kỳ vọng. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng thứ 9 liên tiếp, tập trung ở F1FVN30, BID và PVD.

VN Index & HNX Index



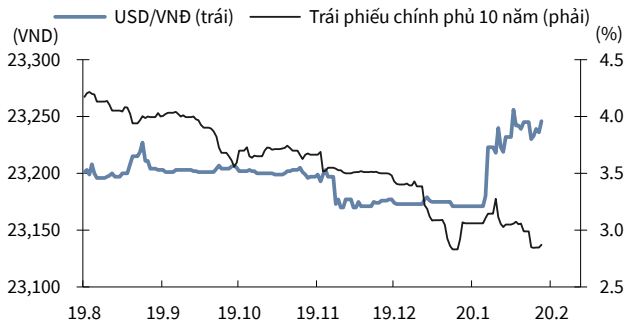
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



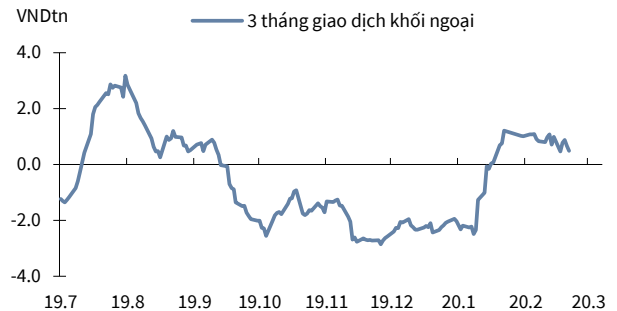
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

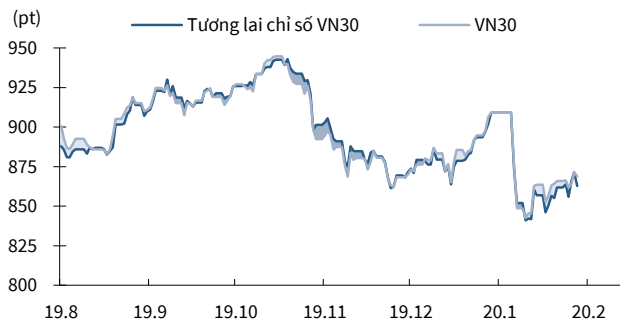
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	868.89 (-0.29%)
VN30 tương lai	862.8 (-0.99%)
Mở cửa	868.0
Cao nhất	872.0
Thấp nhất	861.4

Hợp đồng	112,808 (+25.6%)
KL HĐ mở OI	N/A

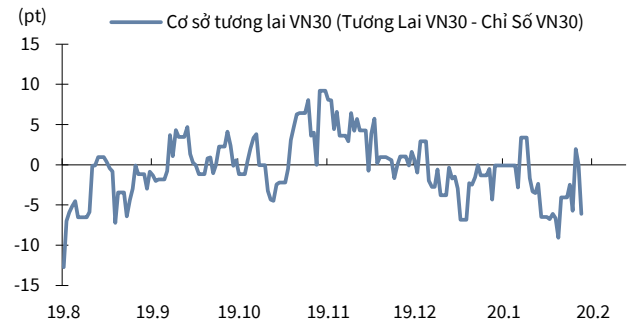
Áp lực bán gia tăng vào phiên chiều khiến chênh lệch ở F2003 giảm sâu xuống mức âm -6.1 điểm vào thời điểm đóng cửa. Với việc phiên hôm nay là phiên giao dịch đầu tiên ở F2003, thanh khoản thị trường tăng mạnh trở lại lên mức cao. Khối ngoại có phiên mua ròng nhẹ ở F2003.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



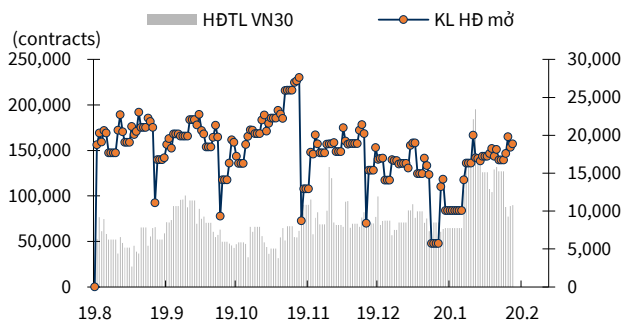
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



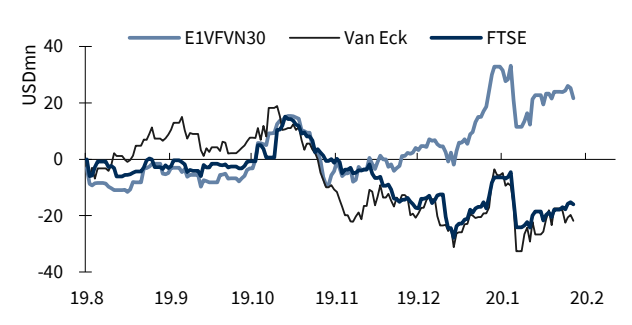
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

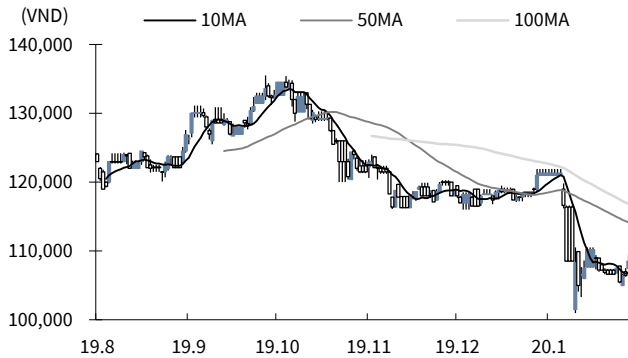
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

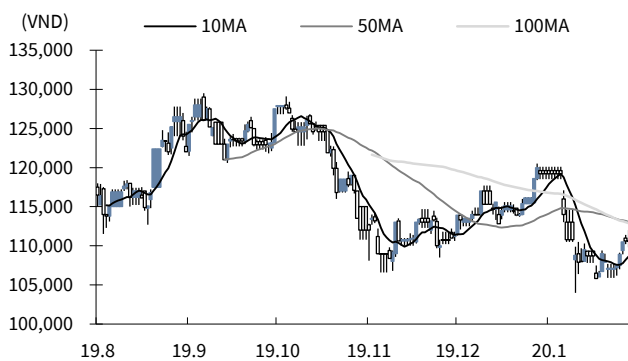
Vinamilk (VNM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VNM tăng 2% lên 108,500 VNĐ/cp/
- Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã chính thức cấp mã giao dịch và cho phép 01 nhà máy (trong tổng số 4 nhà máy được VNM đề xuất) xuất khẩu sản phẩm sữa đặc có đường (sweetened condensed milk) và các loại sữa đặc khác (other condensed milk) vào thị trường Trung Quốc.
- Ở một diễn biến khác, tại Hội chợ Gulfood Dubai năm nay, VNM cho biết doanh nghiệp đã chốt được đơn hàng trị giá 20 triệu USD xuất khẩu sang Dubai.

Thế Giới Di Động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG đi ngang ở mức 110,600 VNĐ/cp.
- MWG mới đây công bố báo cáo tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong tháng 1 với lợi nhuận sau thuế đạt 553 tỷ đồng (+22% YoY) và doanh thu đạt 12,560 tỷ đồng (+21% YoY). Trong đó, dù thị trường chung bão hòa nhưng ngành hàng điện thoại vẫn tăng trưởng trên 10%. Ngoài ra sản phẩm điện tử tăng 10%, nhóm điện lạnh gia dụng tăng trên 20% và máy tính xách tay tăng trên 30%. Đối với chuỗi cửa hàng Bách Hóa Xanh, MWG cho biết doanh thu cả chuỗi tăng trưởng 109% nhờ tăng trưởng ở cả số lượng cửa hàng và doanh thu bình quân mỗi cửa hàng.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

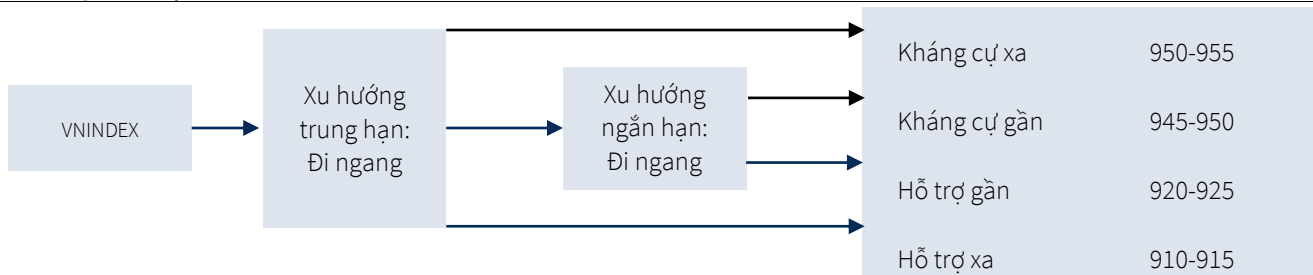
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- VNIndex quay đầu giảm điểm sau khi thử thách ngưỡng kháng cự 940-945 và hình thành mẫu nến khá tiêu cực
- Chúng tôi cho rằng thị trường sẽ vẫn duy trì diễn biến lình xình trong thời gian tới và có thể có nhịp điều chỉnh xuống vùng dài dưới ở quanh 920.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục canh chốt lời với những cổ phiếu đã tăng nóng, đang tiếp cận các vùng kháng cự và chỉ kê lệnh mua từng phần khi VNIndex lui về vùng hỗ trợ mạnh ở quanh 920.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Tương tự VNIndex, chỉ số VN30 chỉ chớm cắt qua vùng kháng cự hiện tại ở 970-975 trước khi quay đầu giảm điếm hình thành mẫu nến inverted hammer.
- Chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ bước vào nhịp điều chỉnh rõ nét hơn trong những phiên tuần tới.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị có thể mở trạng thái SHORT từng phần ngắn hạn tại vùng kháng cự. Ngược lại, việc mở vị thế LONG chỉ nên được thực hiện tại các vùng hỗ trợ trong phiên và đặt lợi nhuận kỳ vọng mỏng.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

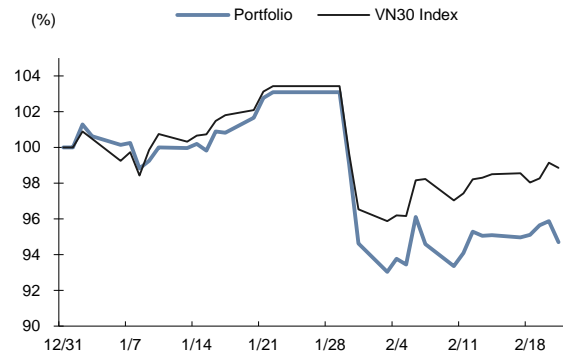
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.29%	-1.23%
Tăng lũy kế (YTD)	-1.16%	-5.31%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/02/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	110,600	0.0%	-4.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,000	0.0%	-3.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,800	-1.8%	9.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,200	-2.1%	7.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	35,000	-1.8%	2.9%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	54,700	-2.0%	42.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	25,850	-3.9%	5.9%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	128,600	0.1%	-0.5%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,550	-0.8%	0.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	16,400	0.0%	-7.2%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	2.0%	58.7%	13.3
VIC	-0.1%	14.7%	11.2
HPG	-0.8%	38.7%	9.3
VRE	-0.7%	33.0%	6.4
BMP	0.5%	80.0%	5.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
ART	-3.9%	2.6%	1.1
PVS	0.0%	20.7%	0.9
KTS	-2.5%	10.5%	0.1
NBC	0.0%	6.8%	0.1
DP3	-6.5%	0.7%	0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	4.5%	PHR, DPM
Bán lẻ	3.3%	MWG, FRT
Bảo hiểm	2.8%	BVH, PGI
Truyền thông	2.3%	YEG, PNC
Xây dựng và Vật Liệu	1.5%	VGC, BMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	30.0%	YEG, YEG
Ô tô và phụ tùng	8.3%	TCH, HHS
Y tế	4.7%	DHG, IMP
Hóa chất	3.0%	PHR, DCM
Xây dựng và Vật Liệu	-0.6%	CTD, GAB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.4%	GAS, GEG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.9%	LGC, AST
Dịch vụ tài chính	-1.1%	SSI, HCM
Dầu khí	-1.0%	PLX, PVD
Bất động sản	-0.8%	VHM, VRE

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	109,900	371,729 (15,995)	68,946 (3.0)	22.0	39.3	24.9	48.4	8.2	18.9	4.3	3.7	-0.1	-0.1	-4.4	-4.4
	VHM	VINHOMES JSC	86,100	283,227 (12,187)	58,417 (2.5)	34.0	10.4	8.4	38.0	36.4	32.0	3.4	2.4	-0.9	-1.7	-1.6	1.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	30,700	69,760 (3,002)	50,188 (2.2)	16.0	21.5	16.3	17.5	11.4	12.5	2.3	2.1	-0.6	-3.3	-5.8	-9.7
	NVL	NOVA LAND INVES	54,000	52,355 (2,253)	29,659 (1.3)	32.0	17.9	15.9	-7.7	12.4	12.1	2.1	-	-0.9	-0.4	-3.6	-9.2
	KDH	KHANGDIENHOUSE	24,550	13,366 (575)	5,264 (0.2)	4.5	11.0	9.9	20.8	15.1	14.8	1.6	1.5	0.0	0.2	-5.0	-8.7
	DXG	DAT XANH GROUP	12,700	7,699 (331)	31,956 (1.4)	5.6	4.4	3.2	3.3	18.0	22.7	0.8	-	2.4	-2.7	-1.2	-12.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	89,000	330,090 (14,203)	80,986 (3.5)	6.2	15.9	13.7	23.9	23.7	22.1	3.0	2.6	-0.6	-0.3	-5.3	-1.3
	BID	BANK FOR INVESTM	49,500	199,090 (8,566)	55,287 (2.4)	12.0	23.7	19.0	13.3	13.2	13.8	2.5	2.3	-3.5	-1.0	-8.3	7.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,100	80,853 (3,479)	71,576 (3.1)	0.0	7.4	6.3	8.1	16.7	16.4	1.1	1.0	-1.7	-0.9	-4.0	-1.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,850	96,250 (4,141)	245,068 (10.5)	0.3	10.0	6.8	33.5	13.8	17.0	1.2	1.0	-3.9	-3.5	2.2	23.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	28,800	70,207 (3,021)	118,234 (5.1)	0.0	7.1	6.0	15.8	21.3	20.7	1.3	1.1	0.9	6.1	22.3	44.0
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,200	49,759 (2,141)	172,362 (7.4)	0.0	5.8	4.9	16.5	21.1	20.6	1.1	0.9	-2.1	-2.5	-6.0	1.9
	HDB	HDBANK	28,400	27,339 (1,176)	50,613 (2.2)	6.4	7.5	6.5	12.8	19.5	19.6	1.3	1.2	0.0	-0.7	-1.9	3.1
	STB	SACOMBANK	11,300	20,381 (877)	108,161 (4.7)	11.3	8.0	6.2	39.1	10.1	12.7	0.7	0.6	0.0	-2.6	3.7	12.4
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,300	17,606 (758)	2,246 (0.1)	0.0	5.5	4.7	33.5	22.4	21.3	1.1	-	-0.5	-2.3	-0.9	1.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,300	21,269 (915)	1,990 (0.1)	0.0	22.9	23.6	18.6	5.8	5.3	1.3	1.2	0.6	0.0	-1.1	-2.8	
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	58,500	43,426 (1,869)	13,459 (0.6)	19.5	31.1	12.7	8.0	8.8	16.6	2.3	2.0	1.7	2.6	-11.2	-14.7
	BMI	BAOMINHINSURANC	23,650	2,161 (093)	1,462 (0.1)	11.5	-	-	-	-	-	-	-	-0.6	0.4	-6.9	-4.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,450	9,040 (389)	35,805 (1.5)	46.9	4.0	7.5	33.9	10.5	11.4	0.7	0.8	-0.9	-2.0	-9.4	-3.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	28,000	4,602 (198)	1,162 (0.1)	64.3	7.7	6.5	-14.5	14.1	14.8	1.0	0.9	0.0	-0.5	-3.1	-5.1
	HCM	HOCHIMINH CITY	18,850	5,756 (248)	27,672 (1.2)	44.9	11.1	6.5	-16.4	12.5	17.7	1.2	1.1	-0.3	-1.8	-14.1	-11.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,050	2,930 (126)	4,085 (0.2)	8.9	8.1	6.2	-4.2	12.5	15.1	0.9	0.8	-0.4	-1.1	-3.1	-2.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	108,500	188,939 (8,130)	134,329 (5.8)	41.3	18.4	17.5	6.3	38.3	38.3	6.2	5.8	2.0	1.8	-10.3	-6.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	180,600	115,815 (4,983)	14,132 (0.6)	36.7	21.1	15.6	17.6	32.0	36.8	5.7	5.1	0.3	-4.8	-22.5	-20.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	53,000	61,954 (2,666)	60,150 (2.6)	10.3	17.4	14.7	-19.9	10.3	10.5	1.5	1.3	3.7	6.4	-2.8	-6.2
	HNG	HOANGANH GIA LA	13,600	15,076 (649)	3,512 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	1.1	0.0	-3.2	-2.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	128,600	67,366 (2,899)	53,989 (2.3)	10.5	11.1	8.8	10.1	37.8	40.5	3.4	2.6	0.1	0.0	-12.5	-12.0
	GMD	GEMADEPT CORP	19,850	5,894 (254)	10,498 (0.5)	0.0	11.4	10.9	-47.2	8.9	8.9	1.0	0.9	-0.8	-0.3	-7.2	-14.8
	CII	HOCHIMINH CITY	23,300	5,775 (248)	6,151 (0.3)	19.5	6.9	9.4	202.7	17.5	12.8	0.9	-	-0.9	-2.1	-10.0	3.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	8,500	4,825 (208)	43,520 (1.9)	44.7	-	-	-	-	-	-	-	-6.6	-7.6	-16.3	-50.9
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	18,700	9,130 (393)	10,531 (0.5)	33.5	9.4	7.3	-2.5	13.3	15.8	1.3	1.3	-0.3	-0.5	-5.6	-3.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	66,900	5,104 (220)	14,415 (0.6)	2.2	8.0	9.9	-30.7	7.8	6.1	0.6	-	-1.0	4.2	26.2	30.4
	REE	REE	35,000	10,852 (467)	27,839 (1.2)	0.0	6.2	5.4	-0.6	15.7	15.0	0.9	-	-1.8	-0.4	-6.2	-3.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa	GTGD	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				thị trường (VNĐtỷ)	(VNĐtỷ triệu USDmn)		19E	20E	CAGR (%)	19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	85,400	163,451 (7,033)	23,759 (1.0)	45.3	14.7	13.3	-0.4	21.9	23.0	3.0	2.8	0.1	-3.5	-10.0	-8.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	20,300	5,844 (251)	4,770 (0.2)	30.3	8.2	7.4	-2.9	17.9	19.7	1.4	1.4	-0.5	-3.3	8.3	-6.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	28,000	8,977 (386)	7,109 (0.3)	32.6	8.8	8.7	-4.5	17.9	17.4	1.6	-	-3.1	0.2	6.7	4.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	23,550	65,023 (2,798)	189,370 (8.2)	10.4	7.7	6.6	-1.4	17.2	18.4	1.2	1.0	-0.8	-0.6	-8.9	0.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	12,400	4,853 (209)	4,023 (0.2)	30.2	10.8	8.2	-16.2	6.3	7.9	0.6	0.6	-2.0	4.2	-2.0	-4.2
	DCM	PETROCA MAU FER	6,220	3,293 (142)	1,975 (0.1)	46.9	-	10.2	-	5.3	5.1	0.5	0.5	-0.8	0.6	4.5	-4.3
	HSG	HOA SENG GROUP	8,170	3,458 (149)	44,156 (1.9)	30.9	8.8	6.6	-4.7	7.0	8.5	0.5	0.5	-2.0	1.4	-4.4	4.6
	AAA	ANPHAT BIOPLAST	13,300	2,277 (098)	27,093 (1.2)	37.1	6.0	-	49.2	15.9	-	0.8	-	1.1	8.1	6.0	4.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	52,800	62,875 (2,705)	22,615 (1.0)	6.6	15.2	13.8	11.9	19.3	19.4	2.9	3.0	-0.8	-0.9	-7.2	-5.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	13,200	5,559 (239)	44,550 (1.9)	30.2	27.7	9.1	15.2	1.6	4.6	0.4	0.4	-1.1	-1.1	-10.8	-12.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,200	3,715 (160)	7,409 (0.3)	17.5	5.3	5.4	6.9	13.8	14.9	0.7	-	-3.3	-2.2	-11.4	-21.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	110,600	50,125 (2,157)	83,838 (3.6)	0.0	10.4	8.8	25.8	34.4	32.5	3.1	2.4	0.0	3.3	-7.8	-3.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	83,800	18,871 (812)	62,856 (2.7)	0.0	14.2	12.6	20.3	27.7	27.1	3.3	3.0	-1.8	1.3	-7.9	-2.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	50,200	1,481 (064)	1,964 (0.1)	68.5	30.2	-	-40.0	4.9	-	1.5	-	0.4	2.2	36.0	35.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,400	1,690 (073)	6,828 (0.3)	4.1	5.4	5.4	-3.9	21.1	18.8	1.1	0.9	7.0	10.6	16.9	1.7
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	47,200	6,396 (275)	20,536 (0.9)	43.1	5.9	21.4	31.3	35.3	-	1.8	-	0.5	17.4	21.2	23.6
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	96,800	12,656 (545)	4,950 (0.2)	45.7	19.7	18.4	4.8	19.7	20.0	3.6	3.4	0.3	1.4	9.6	5.8
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	57,000	4,276 (184)	1,553 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	2.7	3.6	5.6	5.0
	FPT	FPT CORP	54,700	37,102 (1,596)	89,185 (3.8)	0.0	10.2	9.1	24.0	25.0	26.2	2.3	2.2	-2.0	0.4	-1.4	-6.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.